

Số: /QĐ-BNNMT

Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2025
của Bộ Nông nghiệp và Môi trường**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Nghị quyết 01/NQ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch cải cách hành chính năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 2. Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước cấp cho Bộ Nông nghiệp và Môi trường và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng Bộ; Vụ trưởng các Vụ trực thuộc Bộ; Chánh Thanh tra Bộ; Cục trưởng Cục Chuyển đổi số và Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Thứ trưởng;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Đảng ủy Bộ;
- Công đoàn Bộ, Hội Cựu chiến binh Bộ,
- Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Bộ;
- Lưu: VT, TCCB. MP.

BỘ TRƯỞNG

Đỗ Đức Duy

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

Cải cách hành chính năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng 4 năm 2025 của
Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Triển khai đồng bộ các nội dung, nhiệm vụ, giải pháp nhằm đẩy mạnh công tác cải cách hành chính (CCHC) của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, trên cơ sở bám sát Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 (Nghị quyết số 76/NQ-CP), Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 02/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 (Chỉ thị số 23/CT-TTg), Nghị quyết 01/NQ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2025, Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026, góp phần thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị được giao, nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ.

b) Nâng cao kỷ luật, kỷ cương, trách nhiệm, hiệu quả thực hiện công tác CCHC của Bộ Nông nghiệp và Môi trường nói chung và của từng đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ nói riêng.

2. Yêu cầu

a) Các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ nhận thức đầy đủ về nội dung, yêu cầu, tầm quan trọng của CCHC; xác định công tác CCHC là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục, thúc đẩy nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của từng cơ quan, đơn vị.

b) Xác định rõ trách nhiệm của từng tập thể, cá nhân, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ CCHC.

c) Cụ thể hóa các nội dung, yêu cầu tại Nghị quyết số 76/NQ-CP, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo của Chính phủ về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyên đổi số và Đề án 06 (Ban Chỉ đạo), Tiểu Ban Cải cách hành chính thuộc Ban Chỉ đạo; đồng thời tăng cường tính chủ động, sáng tạo, quyết liệt áp dụng những giải pháp mới để CCHC trở thành khâu đột phá trong việc nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động quản lý của Bộ.

II. NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

a) Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, quán triệt các nội dung về CCHC bằng nhiều hình thức đa dạng thông qua các cuộc họp giao ban, trên Cổng thông tin điện tử của Bộ, Trang tin điện tử của các đơn vị trực thuộc Bộ.

b) Chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả các nghị quyết, chỉ thị, kế hoạch của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ về CCHC, cải cách thủ tục hành chính (TTHC) trong các lĩnh vực của ngành Nông nghiệp và Môi trường. Xác định rõ và thực hiện đầy đủ vai trò, trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ trong việc triển khai các nội dung CCHC của Bộ bảo đảm tiến độ, chất lượng và hiệu quả.

c) Tập trung chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra và xử lý những khó khăn, vướng mắc của các đơn vị thuộc Bộ trong việc triển khai thực hiện chương trình, kế hoạch công tác và kế hoạch CCHC năm 2025 bảo đảm chất lượng, đáp ứng yêu cầu về tiến độ và hiệu quả.

d) Xây dựng và triển khai thực hiện đánh giá kết quả thực hiện công tác CCHC của các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ; nghiên cứu việc tiếp tục triển khai thực hiện đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ hàng tháng của Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ.

đ) Tăng cường hoạt động tập huấn, bồi dưỡng, trang bị các kiến thức, kinh nghiệm về CCHC cho đội ngũ công chức, viên chức (CCVC) thực hiện công tác CCHC của Bộ, các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ.

e) Tăng cường vai trò, trách nhiệm của cơ quan thường trực CCHC của Bộ, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai thực hiện công tác CCHC của các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ.

2. Cải cách thể chế

a) Thực hiện Chương trình xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) năm 2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ bảo đảm trình tự, thủ tục, tiến độ và chất lượng.

b) Công tác rà soát, kiểm tra, hệ thống hóa VBQPPL; hợp nhất VBQPPL; pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật tập trung vào các nhiệm vụ sau:

- Rà soát các VBQPPL chịu sự tác động của việc sắp xếp tổ chức bộ máy thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; rà soát phân cấp, phân quyền trong các VBQPPL về nông nghiệp và môi trường; xây dựng kế hoạch sửa đổi, bổ sung các luật chuyên ngành nông nghiệp và môi trường, các văn bản hướng dẫn thi hành các Luật bảo đảm sự thống nhất, kịp thời đáp ứng yêu cầu quản lý chuyên ngành, phù hợp với việc sắp xếp tổ chức bộ máy.

- Tự kiểm tra các VBQPPL do Bộ trưởng ban hành năm 2024; kiểm tra theo thẩm quyền các VBQPPL do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương ban

hành có nội dung liên quan đến các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Thực hiện pháp điển Đề mục Địa chất và Khoáng sản theo yêu cầu của Pháp lệnh Pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật; tổ chức hợp nhất các VBQPPL theo thẩm quyền của Bộ.

c) Tiếp tục đổi mới công tác phổ biến giáo dục pháp luật về nông nghiệp và môi trường; ứng dụng mạnh mẽ, có hiệu quả công nghệ thông tin (CNTT) trong công tác phổ biến giáo dục pháp luật; phổ biến Luật Địa chất và Khoáng sản và các văn bản hướng dẫn thi hành. Triển khai thực hiện đánh giá thí điểm hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật của Bộ.

3. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

a) Tiếp tục rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư kinh doanh, tạo lập môi trường kinh doanh thuận lợi, lành mạnh, công bằng theo quy định tại Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026.

b) Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong thực hiện thủ tục hành chính lĩnh vực nông nghiệp và môi trường, gắn kết chặt chẽ với ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số, sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy.

c) Tiếp tục xây dựng, ban hành và chuẩn hóa quy trình nội bộ giải quyết TTHC của các lĩnh vực theo hướng điện tử hóa, chú trọng đến việc liên thông giải quyết TTHC giữa các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ; cập nhật quy trình điện tử cho các TTHC để vận hành trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Bộ, đảm bảo tính hiệu quả, minh bạch và đơn giản; số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC, tái cấu trúc quy trình giải quyết TTHC trên môi trường điện tử quy định tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 và Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ, kết nối thực hiện trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

d) Cải tiến và nâng cấp các phần mềm ứng dụng CNTT trong quản lý, điều hành, đặc biệt Hệ thống thông tin giải quyết TTHC, bảo đảm kết nối liên thông với Cổng Dịch vụ công quốc gia; ứng dụng CNTT trong giải quyết TTHC, tăng dần mức độ cung cấp, tỷ lệ hồ sơ trực tuyến giải quyết đối với các TTHC thực hiện DVCTT toàn trình, DVCTT một phần.

đ) Đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC theo quy định tại Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ; tập trung thực hiện có hiệu quả Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ nhằm gắn kết việc số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC với quá trình tiếp nhận, xử lý TTHC tại Văn phòng Một cửa tạo cơ sở hình thành dữ liệu sống, sạch, đủ và chính xác.

e) Tiếp tục duy trì việc tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân về quy định hành chính các lĩnh vực thuộc ngành Nông nghiệp và Môi

trường, tình hình giải quyết TTHC thuộc chức năng quản lý của Bộ; tăng cường trách nhiệm giải trình, tổ chức đối thoại, giải đáp trực tuyến để kịp thời giải quyết, xử lý các khó khăn, vướng mắc của người dân và doanh nghiệp về TTHC trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; kiểm tra việc giải quyết TTHC của các đơn vị trực thuộc Bộ.

g) Nâng cao chất lượng phục vụ, mức độ hài lòng, trong đó tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, thường xuyên kiểm tra, xử lý nghiêm và công bố, công khai các cán bộ, công chức, viên chức, cơ quan, đơn vị để xảy ra chậm trễ, gây phiền hà, nhất là làm phát sinh thêm thủ tục, hồ sơ, giấy tờ, yêu cầu điều kiện không đúng quy định trong quá trình tiếp nhận, giải quyết TTHC.

h) Tăng cường nguồn lực, nâng cao năng lực cho công chức làm công tác xây dựng văn bản pháp luật và kiểm soát TTHC; ưu tiên bố trí nguồn lực, kinh phí thỏa đáng cho công tác cải cách, kiểm soát TTHC.

i) Tiếp tục vận hành và duy trì thông suốt hoạt động các đường dây nóng; kịp thời phát hiện và giải quyết các phản ánh, kiến nghị, vướng mắc về tình hình vi phạm trong hoạt động quản lý về nông nghiệp và môi trường tại Trung ương và địa phương.

4. Cải cách tổ chức bộ máy

a) Tập trung rà soát, sửa đổi, bổ sung các VBQPPL hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan chuyên môn về ngành, lĩnh vực ở địa phương, bảo đảm đồng bộ, thống nhất với định hướng sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp theo Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về tiếp tục nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.

b) Tiếp tục rà soát, kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, sắp xếp tổ chức các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ theo hướng tinh gọn, giảm tối đa đầu mối, nâng cao hiệu quả hoạt động, bảo đảm theo đúng chỉ đạo, chủ trương của Trung ương, của Chính phủ về sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.

c) Tiếp tục tổ chức triển khai có hiệu quả phương án kiện toàn, sắp xếp các tổ chức trực thuộc các đơn vị trực thuộc Bộ theo quy định; ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ theo đúng thẩm quyền.

5. Cải cách chế độ công vụ

a) Tập trung rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành các quy chế, quy định về công tác cán bộ và quản lý cán bộ đầy đủ, phù hợp với quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước và đồng bộ với công tác sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy.

b) Tổ chức thực hiện công tác sắp xếp, bố trí, cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC đồng bộ với phương án kiện toàn, tinh gọn tổ chức bộ máy của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

c) Tiếp tục nghiên cứu, đổi mới phương pháp, quy trình đánh giá, xếp loại công chức, viên chức theo hướng lượng hóa các tiêu chí đánh giá dựa trên kết quả thực hiện nhiệm vụ và gắn với tiêu chuẩn, yêu cầu của vị trí việc làm, công việc, sản phẩm cụ thể.

d) Tổ chức triển khai Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15/3/2025 của Chính phủ); Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế.

Tổ chức triển khai hiệu quả các chính sách đối với CBCCVC và người lao động khi thực hiện sắp xếp, tinh gọn bộ máy, đơn vị hành chính các cấp.

đ) Tiếp tục đổi mới nội dung, phương pháp, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, năng lực quản lý hành chính và trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho CBCCVC của Bộ. Tăng cường tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ CCVC nói chung và CCVC thực hiện công tác CCHC của Bộ nói riêng.

e) Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý cán bộ, trọng tâm là việc quản lý, khai thác, sử dụng hồ sơ, thông tin dữ liệu về đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của Bộ, của Ngành.

6. Cải cách tài chính công

a) Rà soát, cập nhật và hoàn thiện đồng bộ hệ thống văn bản quy định về quản lý tài chính, kế toán, đầu tư công thuộc thẩm quyền của Bộ theo quy định, đảm bảo phân bổ, sử dụng ngân sách và các nguồn kinh phí khác minh bạch, quản lý theo mục tiêu.

b) Rà soát, sửa đổi, xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật, đơn giá dịch vụ sự nghiệp công phục vụ đấu thầu, đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ theo Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và các quy định hiện hành.

c) Tăng cường quản lý, sử dụng tài sản công; quản lý và xét duyệt quyết toán đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ; đổi mới cơ cấu và cơ chế đầu tư, tập trung đẩy nhanh tiến độ các dự án chuyển tiếp, hoàn thành trong năm 2025; phân đầu giải ngân trên 95% kế hoạch vốn được giao của năm và kế hoạch trung hạn 2021- 2025; tiếp tục thu hút, khuyến khích đầu tư vào hạ tầng phục vụ sản xuất, phòng chống thiên tai.

d) Tăng cường thực hiện công tác giám sát tài chính và xếp loại doanh nghiệp năm 2024 đối với các doanh nghiệp trực thuộc Bộ.

đ) Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong công tác quản lý kế hoạch, đầu tư, tài chính, tài sản thuộc phạm vi quản lý của Bộ. Sử dụng hiệu quả các phần mềm quản lý ngân sách nhà nước, quản lý tài sản công, quản lý kế hoạch tài chính và

xử lý công việc trên môi trường mạng; thực hiện quy trình giao dự toán cho các đơn vị qua hệ thống TABMIS.

e) Tổ chức tập huấn, nâng cao năng lực chuyên môn cho cán bộ phụ trách công tác kế hoạch, tài chính của các đơn vị thuộc Bộ.

7. Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số

a) Hoàn thiện quy định kỹ thuật về CSDL các lĩnh vực; quy trình kỹ thuật theo phương thức số, lấy dữ liệu làm trung tâm, thu thập dữ liệu số tại nguồn, quản lý, chia sẻ, phân tích, xử lý trên công nghệ số.

b) Xây dựng, hoàn thiện các CSDL quốc gia, lĩnh vực nông nghiệp và môi trường trọng tâm là CSDL đất đai, chăn nuôi, trồng trọt bảo đảm dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống” và kết nối, liên thông, tích hợp với các CSDL quốc gia; Trung tâm dữ liệu quốc gia theo quy định của Luật Dữ liệu.

c) Đẩy mạnh công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành, báo cáo, hỗ trợ ra quyết định trên dữ liệu, thực hiện toàn diện trên các ứng dụng số, hệ thống thông tin, xử lý, tổng hợp, thống kê trên CSDL.

d) Nâng cao hiệu quả cung cấp DVCTT: Tái cấu trúc quy trình, đơn giản hóa hồ sơ, cung cấp DVCTT toàn trình để phục vụ người dân và doanh nghiệp.

đ) Vận hành hạ tầng số, nền tảng số dùng chung, bảo đảm an toàn thông tin. Đào tạo tập huấn, ưu tiên nhân lực về chuyển đổi số, khoa học dữ liệu, nâng cao kỹ năng số, xử lý khai thác dữ liệu phục vụ chuyển đổi số ngành, góp phần chuyển đổi số quốc gia.

III. GIẢI PHÁP

1. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ trực tiếp chỉ đạo công tác CCHC của đơn vị và chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng về kết quả CCCH của Bộ, của đơn vị; tiếp tục xác định CCHC là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt; xây dựng kế hoạch thực hiện cụ thể trong từng thời gian, từng lĩnh vực; tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch; đưa nội dung CCHC vào nội dung giao ban định kỳ của đơn vị.

2. Bảo đảm kinh phí thực hiện công tác CCHC được bố trí từ nguồn kinh phí thường xuyên của Bộ, của các đơn vị và các nguồn lực tài chính hỗ trợ khác theo quy định của pháp luật.

3. Tiếp tục nâng cao năng lực, trình độ đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác CCHC ở các đơn vị thuộc Bộ; đồng thời, có chế độ, chính sách hợp lý đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác CCHC.

4. Tăng cường kiểm tra việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính và trách nhiệm thi hành công vụ của công chức, viên chức.

5. Tăng cường hợp tác quốc tế để tranh thủ hỗ trợ về nguồn vốn, đào tạo, chuyển giao công nghệ quản lý, góp phần đẩy mạnh công tác CCHC của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và của ngành Nông nghiệp và Môi trường.

6. Khen thưởng kịp thời, chính xác những đơn vị, cá nhân có thành tích và

phê bình, xử lý nghiêm trách nhiệm của những đơn vị, cá nhân thực hiện chưa nghiêm túc nhiệm vụ CCHC.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đối với các cấp ủy đảng và các tổ chức, đoàn thể trong Bộ

Đề nghị Đảng ủy Bộ, Công đoàn Bộ và Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh Bộ có kế hoạch phối hợp lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy và tổ chức đoàn thể trực thuộc tham gia tổ chức thực hiện Kế hoạch; cấp ủy đảng, tổ chức đoàn thể các đơn vị thuộc Bộ tham gia cùng lãnh đạo đơn vị tổ chức thực hiện Kế hoạch.

2. Các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ

a) Đối với các đơn vị không thực hiện hợp nhất, sáp nhập: Khẩn trương chỉ đạo rà soát, cập nhật Kế hoạch CCHC năm 2025 của đơn vị và tổ chức triển khai thực hiện.

Đối với các đơn vị thực hiện hợp nhất, sáp nhập: Khẩn trương chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch CCHC năm 2025 của đơn vị, bám sát nội dung, nhiệm vụ theo Kế hoạch CCHC năm 2025 của Bộ, thời gian ban hành chậm nhất 30 ngày kể từ ngày Kế hoạch CCHC của Bộ được ban hành.

b) Tổ chức lập dự toán kinh phí để thực hiện các đề án, dự án, chương trình (nếu có), nhiệm vụ CCHC năm 2025, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Chỉ đạo nghiêm túc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo CCHC định kỳ (quý I, sáu tháng, quý III, năm) của đơn vị và gửi về Bộ (qua Vụ Tổ chức cán bộ) trước ngày 15 tháng cuối quý.

d) Các đơn vị có liên quan, theo chức năng nhiệm vụ thực hiện tiếp nhận, theo dõi, đôn đốc, trả lời phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân theo quy định.

đ) Bảo đảm các nguồn lực và điều kiện cần thiết để thực hiện có hiệu quả công tác CCHC.

3. Vụ Tổ chức cán bộ

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị trực thuộc Bộ tổ chức thực hiện nội dung cải cách tổ chức bộ máy và nội dung cải cách chế độ công vụ theo Kế hoạch.

b) Theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị trực thuộc Bộ trong việc thực hiện Kế hoạch.

c) Trình Bộ trưởng các giải pháp tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành CCHC; thực hiện kiểm tra công tác CCHC năm 2025 của Bộ.

d) Tổng hợp, báo cáo kết quả, tiến độ thực hiện công tác CCHC hàng quý, 6 tháng và năm 2025 của Bộ theo Kế hoạch.

đ) Chủ trì xây dựng và triển khai thực hiện Bộ chỉ số CCHC đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC tại các đơn vị trực thuộc Bộ; rà soát, cập nhật, tổ chức tổng hợp, theo dõi, đánh giá xếp hạng kết quả thực hiện nhiệm vụ hàng tháng của Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ.

e) Chủ trì đề xuất khen thưởng kịp thời, chính xác những đơn vị, cá nhân có thành tích và phê bình, kỷ luật những đơn vị, cá nhân thực hiện chưa nghiêm túc nhiệm vụ CCHC năm 2025 của Bộ.

4. Vụ Pháp chế

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị trực thuộc Bộ tổ chức thực hiện nội dung cải cách thể chế, thẩm định quy định TTHC trong dự thảo thông tư của Bộ trưởng.

b) Chủ trì triển khai nhiệm vụ đổi mới và nâng cao chất lượng công tác xây dựng, ban hành VBQPPL; tổ chức rà soát, kiểm tra, hệ thống hóa, pháp điển, hợp nhất VBQPPL; tổ chức phổ biến giáo dục pháp luật về nông nghiệp và môi trường; tổ chức triển khai công tác theo dõi thi hành pháp luật và kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, đánh giá việc thực hiện trách nhiệm trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

5. Vụ Kế hoạch - Tài chính

a) Chủ trì tổng hợp trình Bộ trưởng xem xét, quyết định điều chỉnh kinh phí cho các chương trình, dự án, đề án, nhiệm vụ CCHC trong dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 của Bộ.

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị trực thuộc Bộ tổ chức thực hiện và định kỳ báo cáo nội dung cải cách tài chính công của Bộ theo Kế hoạch.

c) Bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch từ nguồn kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác của Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Vụ Khoa học và Công nghệ

a) Tổng hợp, xác định các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ công tác CCHC và phân bổ kinh phí để thực hiện.

b) Kiện toàn, hợp nhất các Ban Chỉ đạo cải cách hành chính, chuyển đổi số và triển khai Đề án 06 thành Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 theo quy định tại Quyết định số 589/QĐ-TTg ngày 13/3/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Chỉ đạo của Chính phủ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

c) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị trực thuộc Bộ tiếp tục đẩy mạnh, áp dụng, cải tiến và mở rộng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 trong hoạt động của các đơn vị trực thuộc Bộ; thực hiện kiểm tra việc duy trì áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001: 2015 tại một số đơn vị trực thuộc Bộ.

7. Văn phòng Bộ

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị trực thuộc Bộ tổ chức thực hiện nhiệm vụ thuộc nội dung cải cách TTHC, kiểm soát TTHC của Bộ theo chức năng, nhiệm vụ được giao; chủ trì triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên

thông trong giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ; chủ trì, theo dõi, đôn đốc thực hiện Quy chế làm việc của Bộ.

b) Chủ trì, phối hợp với Báo Nông nghiệp và Môi trường, Tạp chí Nông nghiệp và Môi trường, Trung tâm Truyền thông tài nguyên và môi trường xây dựng nội dung thông tin, tuyên truyền về CCHC; hướng dẫn triển khai, tổ chức và định kỳ báo cáo việc thông tin, tuyên truyền các nhiệm vụ CCHC năm 2025 của Bộ.

c) Chủ trì tiếp nhận, theo dõi, đôn đốc việc xử lý phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân về quy định hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ thông qua Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của Chính phủ và Cổng thông tin điện tử của Bộ.

8. Thanh tra Bộ

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị trực thuộc Bộ xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ; chủ trì tổng hợp thông tin về đường dây nóng tiếp nhận phản ánh, kiến nghị về tiêu cực trong hoạt động quản lý nhà nước về nông nghiệp và môi trường; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện các nội dung nêu trên.

9. Cục Chuyển đổi số

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị trực thuộc Bộ xây dựng, tổ chức thực hiện Kế hoạch phát triển Chính phủ số năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; thực hiện các đề án, dự án, nhiệm vụ chuyên môn được giao bảo đảm chất lượng, tiến độ triển khai Chính phủ điện tử, chuyển đổi số ngành Nông nghiệp và Môi trường.

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị trực thuộc Bộ thực hiện và định kỳ báo cáo nội dung phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số của Bộ theo Kế hoạch.

10. Báo Nông nghiệp và Môi trường; Tạp chí Nông nghiệp và Môi trường; Cổng thông tin điện tử của Bộ

Tổ chức thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác CCHC và các nội dung, kết quả CCHC của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

PHỤ LỤC

Danh mục các nhiệm vụ, hoạt động thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng 4 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

TT	Nội dung nhiệm vụ, dự án	Hoạt động/sản phẩm	Đơn vị chủ trì/đầu mối	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH				
1	Rà soát, hợp nhất, ban hành Kế hoạch cải cách hành chính (CCHC)	Ban hành Kế hoạch CCHC năm 2025 của Bộ.	Vụ Tổ chức cán bộ	Các Vụ trực thuộc Bộ; Văn phòng Bộ; Thanh tra Bộ và các đơn vị có liên quan	Tháng 4
2	Kiểm tra công tác CCHC và tổ chức cán bộ	Tổ chức thực hiện kiểm tra công tác CCHC, công tác tổ chức cán bộ năm 2025 tại một số đơn vị trực thuộc Bộ.		Các đơn vị được kiểm tra theo thông báo	Quý IV
3	Tuyên truyền công tác CCHC	3.1. Tổ chức thực hiện tuyên truyền công tác CCHC năm 2025 của Bộ.	Văn phòng Bộ	Báo NN&MT, Tạp chí NN&MT và các đơn vị liên quan	Thường xuyên
		3.2. Thực hiện đưa tin, bài viết về CCHC trên Cổng thông tin điện tử của Bộ.	Văn phòng Bộ; Vụ Tổ chức cán bộ	Báo NN&MT, Tạp chí NN&MT và các đơn vị liên quan	Thường xuyên
4	Tổ chức thực hiện xác định Chỉ số CCHC; phân tích, sử dụng có hiệu quả Chỉ số CCHC	4.1. Báo cáo kết quả tự đánh giá, chấm điểm Chỉ số CCHC năm 2025 của Bộ theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ.	Vụ Tổ chức cán bộ	Các Vụ trực thuộc Bộ; Văn phòng Bộ; Thanh tra Bộ; Cục CĐS và các đơn vị có liên quan	Theo kế hoạch của Bộ Nội vụ

TT	Nội dung nhiệm vụ, dự án	Hoạt động/sản phẩm	Đơn vị chủ trì/dầu mối	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		4.2. Thực hiện đánh giá, theo dõi kết quả thực hiện nhiệm vụ hàng tháng của Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ năm 2025.		Các đơn vị trực thuộc Bộ	Thường xuyên
		4.3. Xây dựng, trình Bộ ban hành Kế hoạch triển khai đánh giá, chấm điểm CCHC các Cục trực thuộc Bộ năm 2025.		Các đơn vị trực thuộc Bộ	Quý III
		4.4. Tổ chức thực hiện Kế hoạch triển khai đánh giá, chấm điểm CCHC các Cục trực thuộc Bộ năm 2025.		Các đơn vị trực thuộc Bộ	Quý IV
5	Đánh giá, Sơ kết 05 năm công tác CCHC của Bộ giai đoạn 2021-2025	Tổ chức sơ kết CCHC 05 năm đánh giá kết quả công tác CCHC của Bộ giai đoạn 2021-2025 và nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2026-2030.	Vụ Tổ chức cán bộ	Các đơn vị trực thuộc Bộ	Quý IV
6	Kiến toàn, hợp nhất các Ban Chỉ đạo cải cách hành chính, chuyển đổi số và triển khai Đề án 06 thành Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06	Quyết định kiến toàn, hợp nhất các Ban Chỉ đạo cải cách hành chính, chuyển đổi số và triển khai Đề án 06 thành Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06.	Vụ Khoa học và Công nghệ	Các đơn vị trực thuộc Bộ	Tháng 4

TT	Nội dung nhiệm vụ, dự án	Hoạt động/sản phẩm	Đơn vị chủ trì/dầu mối	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
II	CẢI CÁCH THỂ CHẾ				
1	Triển khai thực hiện Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) của Bộ năm 2025	1.1. Xây dựng kế hoạch sửa đổi bổ sung các Luật thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; văn bản hướng dẫn thi hành các Luật thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.	Vụ Pháp chế; Các đơn vị được giao chủ trì xây dựng	Các đơn vị có liên quan	Theo Chương trình công tác của Bộ
		1.2. Triển khai xây dựng các VBQPPL theo Chương trình xây dựng VBQPPL của Bộ năm 2025.	Vụ Pháp chế; Các đơn vị được giao chủ trì xây dựng	Các đơn vị liên quan	Theo Chương trình công tác của Bộ
		1.3. Theo dõi tiến độ văn bản quy định chi tiết luật, pháp lệnh, Nghị quyết của Quốc hội.	Vụ Pháp chế	Các đơn vị liên quan	Thường xuyên
2	Thực hiện kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa VBQPPL	2.1. Ban hành Kế hoạch kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa VBQPPL năm 2025 của Bộ.	Vụ Pháp chế	Các đơn vị liên quan	Quý II
		2.2. Tập trung rà soát VBQPPL các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ.	Vụ Pháp chế	Các Cục trực thuộc Bộ	Thường xuyên
		2.3. Tự kiểm tra các VBQPPL do Bộ trưởng ban hành năm 2025; kiểm tra theo thẩm quyền các VBQPPL do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành có nội dung liên quan đến các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ.	Vụ Pháp chế	Các đơn vị liên quan	Thường xuyên

TT	Nội dung nhiệm vụ, dự án	Hoạt động/sản phẩm	Đơn vị chủ trì/dầu mối	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
3	Phổ biến giáo dục pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ	3.1. Ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2025 của Bộ.	Vụ Pháp chế	Các đơn vị liên quan	Tháng 3
		3.2. Tổ chức thực hiện Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2025 của Bộ.	Vụ Pháp chế	Các đơn vị liên quan	Thực hiện theo Kế hoạch
4	Thực hiện công tác kiểm tra, theo dõi, thi hành pháp luật về nông nghiệp và môi trường	4.1. Ban hành Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật về NN&MT năm 2025 của Bộ.	Vụ Pháp chế	Các đơn vị liên quan	Tháng 3
		4.2. Tổ chức kiểm tra theo dõi thi hành pháp luật một số lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ.	Vụ Pháp chế	Các đơn vị liên quan	Thực hiện theo Kế hoạch
III	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH				
1	Xây dựng và triển khai kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC)	1.1. Ban hành Kế hoạch kiểm soát TTHC năm 2025 của Bộ.	Văn phòng Bộ	Các đơn vị trực thuộc Bộ	Tháng 4
		1.2. Tổ chức thực hiện Kế hoạch kiểm soát TTHC năm 2025 của Bộ.	Văn phòng Bộ	Các đơn vị trực thuộc Bộ	Thực hiện theo Kế hoạch
		1.3. Đôn đốc việc thực hiện rà soát, đánh giá và tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ các DVCTT được cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và Cổng Dịch vụ công của Bộ theo hướng thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, đảm bảo nguyên tắc lấy người dân, doanh nghiệp là trung tâm.	Cục Chuyển đổi số; Văn phòng Bộ.	Các đơn vị trực thuộc Bộ	Thường xuyên

TT	Nội dung nhiệm vụ, dự án	Hoạt động/sản phẩm	Đơn vị chủ trì/dầu mối	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		1.4. Số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực theo quy định của Chính phủ tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP và Nghị định số 107/2021/NĐ-CP, đáp ứng yêu cầu kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công.	Cục Chuyển đổi số	Các Cục trực thuộc Bộ; Văn phòng Bộ.	Thường xuyên
2	Tổ chức thực hiện Kế hoạch thực hiện Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Đôn đốc, theo dõi việc triển khai thực hiện Kế hoạch thực hiện Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	Văn phòng Bộ	- Các đơn vị trực thuộc Bộ. - Các bộ, ngành, địa phương liên quan	Thường xuyên
3	Đẩy mạnh chuyển đổi số, vận hành hệ thống CSDL, thực hiện cung cấp DVCTT	3.1. Cung cấp DVCTT toàn trình cho các TTHC đủ điều kiện theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/06/2022 của Thủ tướng Chính phủ.	Cục Chuyển đổi số	Các đơn vị trực thuộc Bộ	Thường xuyên
		3.2. Khai thác, sử dụng Nền tảng trao đổi định danh điện tử, thực hiện khai thác, sử dụng các nghiệp vụ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.	Cục Chuyển đổi số	Các đơn vị trực thuộc Bộ	Thường xuyên
4	Cập nhật, công bố, công khai TTHC	Đôn đốc việc cập nhật, công bố, công khai TTHC trên CSDL quốc gia về TTHC, Cổng thông tin điện tử của Bộ và công khai tại Văn phòng Tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC.	Văn phòng Bộ	Các Cục trực thuộc Bộ	Thường xuyên

TT	Nội dung nhiệm vụ, dự án	Hoạt động/sản phẩm	Đơn vị chủ trì/dầu mối	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
5	Tiếp nhận, phân loại và đôn đốc tổng hợp việc trả lời các phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân về TTHC thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường qua Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia; trên Cổng Thông tin điện tử của Chính phủ và Cổng thông tin điện tử của Bộ.	Tiếp nhận, phân loại và đôn đốc việc trả lời kiến nghị, phản ánh của các tổ chức, cá nhân về quy định hành chính lĩnh vực NN&MT.	Văn phòng Bộ	Các đơn vị trực thuộc Bộ	Thường xuyên
6	Tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC của Bộ theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông	Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả đã được giải quyết đối với các TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra tình hình giải quyết TTHC tại các đơn vị thuộc Bộ; định kỳ báo cáo Bộ trưởng kết quả giải quyết TTHC của Bộ.	Văn phòng Bộ	Các đơn vị trực thuộc Bộ	Thường xuyên
7	Triển khai, đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ người dân và doanh nghiệp trên Cổng thông tin điện tử của Bộ	7.1. Đẩy mạnh tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước trong lĩnh vực NN&MT.	Văn phòng Bộ	Các đơn vị trực thuộc Bộ	Thường xuyên
		7.2. Thường xuyên cập nhật các chuyên trang, chuyên mục giúp người dân, doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận các thông tin của ngành NN&MT.	Văn phòng Bộ	Các đơn vị trực thuộc Bộ	Thường xuyên

TT	Nội dung nhiệm vụ, dự án	Hoạt động/sản phẩm	Đơn vị chủ trì/dầu mối	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		7.3. Đôn đốc, theo dõi việc cập nhật thông tin hỗ trợ người dân và doanh nghiệp trên Cổng thông tin điện tử.	Văn phòng Bộ	Các đơn vị trực thuộc Bộ	Thường xuyên
IV	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY				
1	Kiện toàn tổ chức bộ máy	1.1. Tổ chức rà soát, xây dựng, ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị trực thuộc Bộ quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	Các đơn vị trực thuộc Bộ	Vụ Tổ chức cán bộ	Tháng 3
		1.2. Tổ chức rà soát, xây dựng phương án sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ.	Vụ Tổ chức cán bộ	Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ	Quý II
2	Biên chế	2.1 Giao biên chế công chức trong các cơ quan hành chính thuộc Bộ năm 2025.	Vụ Tổ chức cán bộ	Các đơn vị trực thuộc Bộ	Quý II
		2.2 Giao số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp chưa tự bảo đảm chi thường xuyên thuộc Bộ năm 2025.	Vụ Tổ chức cán bộ	Các đơn vị trực thuộc Bộ	Quý II

TT	Nội dung nhiệm vụ, dự án	Hoạt động/sản phẩm	Đơn vị chủ trì/dầu mối	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
V	CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ				
1	Tập trung rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành các quy chế, quy định về công tác cán bộ và quản lý cán bộ đầy đủ, phù hợp với quy định của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và đồng bộ với công tác sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy.	1.1. Quy định của Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ về phân cấp quản lý công tác cán bộ.	Vụ Tổ chức cán bộ	Các đơn vị trực thuộc Bộ	Tháng 4
		1.2. Quy chế phân công, phân cấp quản lý công tác tổ chức cán bộ của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	Vụ Tổ chức cán bộ	Các đơn vị trực thuộc Bộ	Tháng 4
		1.3. Quy định về tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý của Bộ.	Vụ Tổ chức cán bộ	Các đơn vị trực thuộc Bộ	Quý II
		1.4. Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ đối với công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý.	Vụ Tổ chức cán bộ	Các đơn vị trực thuộc Bộ	Quý II
2	Tổ chức thực hiện công tác sắp xếp, bố trí, cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC đồng bộ với phương án kiện toàn, tinh gọn tổ chức bộ máy của cơ quan, tổ chức, đơn vị; đồng thời tổ chức triển khai hiệu quả các chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động khi thực hiện sắp xếp, tinh gọn bộ máy, đơn vị hành chính các cấp.	2.1. Xây dựng, triển khai thực hiện hoàn thành việc sắp xếp, bố trí đội ngũ CBCCVC theo phương án kiện toàn tổ chức bộ máy của Bộ và các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc Bộ (<i>các đơn vị quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường</i>).	Vụ Tổ chức cán bộ	Các đơn vị trực thuộc Bộ	Tháng 3-4
		2.2. Giải quyết chế độ nghỉ hưu trước tuổi, thôi việc đối với công chức, viên chức, người lao động theo quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy theo quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP.	Vụ Tổ chức cán bộ	Các đơn vị trực thuộc Bộ	Thường xuyên

TT	Nội dung nhiệm vụ, dự án	Hoạt động/sản phẩm	Đơn vị chủ trì/dầu mối	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
3	Đào tạo, đào tạo lại và bồi dưỡng đội ngũ CBCCVV bảo đảm đủ phẩm chất, trình độ và năng lực ngang tầm với nhiệm vụ sau sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của cơ quan, tổ chức, đơn vị	Tổ chức thực hiện Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức năm 2025 của Bộ.	Vụ Tổ chức cán bộ, các Trường trực thuộc Bộ	Các đơn vị trực thuộc Bộ	Theo Kế hoạch
VI	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG				
1	Hoàn thiện cơ chế, chính sách tài chính	1.1. Rà soát, sửa đổi, hoàn thiện quy chế quản lý kế hoạch, tài chính, đầu tư công theo các quy định mới phù hợp với tình hình quản lý của các đơn vị trực thuộc Bộ.	Vụ Kế hoạch - Tài chính	Các đơn vị liên quan	Quý II
		1.2. Rà soát, xây dựng định mức, đơn giá dịch vụ sự nghiệp công phục vụ đấu thầu, đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ theo Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ NN&MT và các quy định hiện hành.	Vụ Kế hoạch - Tài chính	Các đơn vị liên quan	Thường xuyên
2	Điều hành dự toán ngân sách nhà nước	Điều hành phân bổ, cân đối, điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước và quản lý chi tiêu để tạo sự chủ động và tăng cường trách nhiệm của các đơn vị, bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm, chống lãng phí. Quản lý và xét duyệt quyết toán đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ.	Vụ Kế hoạch - Tài chính	Các đơn vị liên quan	Quý IV

TT	Nội dung nhiệm vụ, dự án	Hoạt động/sản phẩm	Đơn vị chủ trì/dầu mối	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
3	Ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý tài chính công	3.1. Sử dụng hiệu quả các phần mềm Tổng hợp về quản lý kế hoạch tài chính và quản lý tài sản.	Vụ Kế hoạch - Tài chính	Các đơn vị liên quan	Thường xuyên
		3.2. Thực hiện quy trình giao dự toán cho các đơn vị qua hệ thống TABMIS bảo đảm nhanh chóng, chính xác.	Vụ Kế hoạch - Tài chính	Các đơn vị liên quan	Thường xuyên
4	Tiếp tục thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính	4.1. Tiếp tục thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính tại cơ quan hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước.	Vụ Kế hoạch - Tài chính	Các đơn vị liên quan	Thường xuyên
		4.2. Chỉ đạo các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường xây dựng phương án tự chủ tài chính giai đoạn 2026-2030, thẩm định gửi Bộ Tài chính theo quy định.	Vụ Kế hoạch - Tài chính	Các đơn vị liên quan	Quý III
		4.3. Tiếp tục xây dựng đơn giá sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước phục vụ đấu thầu, đặt hàng theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP.	Vụ Kế hoạch - Tài chính	Các đơn vị liên quan	Thường xuyên

TT	Nội dung nhiệm vụ, dự án	Hoạt động/sản phẩm	Đơn vị chủ trì/dầu mối	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		4.4. Phối hợp rà soát, sửa đổi, hoàn thiện Thông tư thu phí và lệ phí của các lĩnh vực nông nghiệp và môi trường theo quy định của pháp luật.	Vụ Kế hoạch - Tài chính	Các đơn vị liên quan	Quý II
5	Công tác quản lý, sử dụng tài sản công	Tăng cường kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài sản công theo quy chế quản lý tài sản và phần mềm theo dõi tình hình sử dụng tài sản của các đơn vị trực thuộc Bộ.	Vụ Kế hoạch - Tài chính	Các đơn vị liên quan	Thường xuyên
6	Thực hiện công tác quản lý doanh nghiệp	Tăng cường thực hiện công tác giám sát tài chính và xếp loại doanh nghiệp năm 2024 đối với các doanh nghiệp trực thuộc Bộ.	Vụ Kế hoạch - Tài chính	Các đơn vị liên quan	Thường xuyên
7	Tăng cường năng lực chuyên môn	Tập huấn, nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác kế hoạch, tài chính của các đơn vị trực thuộc Bộ.	Vụ Kế hoạch - Tài chính	Các đơn vị liên quan	Quý IV
VII	XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH PHỦ ĐIỆN TỬ, CHÍNH PHỦ SỐ				
1	Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong quản lý, điều hành hoạt động của Bộ; Thực hiện chương trình chuyển đổi số ngành NN&MT.	1.1 Ban hành Kế hoạch phát triển Chính phủ số năm 2025, thực hiện Kế hoạch Bảo đảm an toàn thông tin mạng của Bộ giai đoạn 2021 - 2025.	Cục Chuyển đổi số	Các đơn vị trực thuộc Bộ	Quý II
		1.2. Xây dựng, vận hành hệ thống quản lý điều hành thông minh tại Bộ.	Cục Chuyển đổi số	Các đơn vị trực thuộc Bộ	Quý IV

TT	Nội dung nhiệm vụ, dự án	Hoạt động/sản phẩm	Đơn vị chủ trì/dầu mối	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		1.3. Vận hành, cập nhật hệ thống thông tin/CSDL phục vụ công tác quản lý nhà nước về TCCB, kế hoạch - tài chính; khoa học và công nghệ; chính sách - pháp chế; thanh tra, kiểm tra và giải quyết khiếu nại tố của Bộ.	Cục Chuyển đổi số	Các đơn vị trực thuộc Bộ	Quý IV
		1.4. Tổ chức triển khai thực hiện chương trình chuyển đổi số ngành NN&MT.	Cục Chuyển đổi số	Các đơn vị ngành NN&MT	Thường xuyên
2	Thực hiện các nhiệm vụ triển khai Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025	2.1. Triển khai, cập nhật Kiến trúc Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số ngành NN&MT	Cục Chuyển đổi số	Các đơn vị ngành NN&MT	Thường xuyên
		2.2. Duy trì, vận hành hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc gắn với chữ ký số; bảo đảm an ninh, bảo mật, hỗ trợ kỹ thuật các đơn vị thuộc Bộ; liên thông hệ thống quản lý văn bản với Chính phủ, bộ, ngành, các địa phương	Cục Chuyển đổi số, Văn phòng Bộ	Các đơn vị ngành NN&MT	Thường xuyên
		2.3. Triển khai, cung cấp các DVCTT thiết yếu được phê duyệt tại Quyết định số 206/QĐ-TTg ngày 28/02/2024.	Cục Chuyển đổi số; Cục Môi trường, Cục Biển và Hải đảo Việt Nam	Các đơn vị ngành NN&MT	Thường xuyên, theo yêu cầu
		2.4. Triển khai xây dựng, vận hành CSDL quốc gia, chuyên ngành các lĩnh vực.	Cục Chuyển đổi số	Các đơn vị thuộc Bộ	Thường xuyên
3	Bảo đảm hệ thống CNTT liên tục, an toàn phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo điều hành của Bộ	Hệ thống cơ sở hạ tầng CNTT hoạt động thông suốt phục vụ công tác chỉ đạo điều hành nhà nước của Bộ. Bảo đảm an toàn, an ninh và bảo mật thông tin số các hệ thống thông tin và hạ tầng kỹ thuật.	Cục Chuyển đổi số	Các đơn vị trực thuộc Bộ	Thường xuyên

Số: /QĐ-BNNMT

Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2025
của Bộ Nông nghiệp và Môi trường**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Nghị quyết 01/NQ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch cải cách hành chính năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 2. Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước cấp cho Bộ Nông nghiệp và Môi trường và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng Bộ; Vụ trưởng các Vụ trực thuộc Bộ; Chánh Thanh tra Bộ; Cục trưởng Cục Chuyển đổi số và Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Thứ trưởng;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Đảng ủy Bộ;
- Công đoàn Bộ, Hội Cựu chiến binh Bộ,
Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Bộ;
- Lưu: VT, TCCB. MP.

BỘ TRƯỞNG

Đỗ Đức Duy

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

Cải cách hành chính năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng 4 năm 2025 của
Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Triển khai đồng bộ các nội dung, nhiệm vụ, giải pháp nhằm đẩy mạnh công tác cải cách hành chính (CCHC) của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, trên cơ sở bám sát Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 (Nghị quyết số 76/NQ-CP), Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 02/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 (Chỉ thị số 23/CT-TTg), Nghị quyết 01/NQ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2025, Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026, góp phần thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị được giao, nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ.

b) Nâng cao kỷ luật, kỷ cương, trách nhiệm, hiệu quả thực hiện công tác CCHC của Bộ Nông nghiệp và Môi trường nói chung và của từng đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ nói riêng.

2. Yêu cầu

a) Các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ nhận thức đầy đủ về nội dung, yêu cầu, tầm quan trọng của CCHC; xác định công tác CCHC là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục, thúc đẩy nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của từng cơ quan, đơn vị.

b) Xác định rõ trách nhiệm của từng tập thể, cá nhân, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ CCHC.

c) Cụ thể hóa các nội dung, yêu cầu tại Nghị quyết số 76/NQ-CP, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo của Chính phủ về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyên đổi số và Đề án 06 (Ban Chỉ đạo), Tiểu Ban Cải cách hành chính thuộc Ban Chỉ đạo; đồng thời tăng cường tính chủ động, sáng tạo, quyết liệt áp dụng những giải pháp mới để CCHC trở thành khâu đột phá trong việc nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động quản lý của Bộ.

II. NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

a) Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, quán triệt các nội dung về CCHC bằng nhiều hình thức đa dạng thông qua các cuộc họp giao ban, trên Cổng thông tin điện tử của Bộ, Trang tin điện tử của các đơn vị trực thuộc Bộ.

b) Chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả các nghị quyết, chỉ thị, kế hoạch của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ về CCHC, cải cách thủ tục hành chính (TTHC) trong các lĩnh vực của ngành Nông nghiệp và Môi trường. Xác định rõ và thực hiện đầy đủ vai trò, trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ trong việc triển khai các nội dung CCHC của Bộ bảo đảm tiến độ, chất lượng và hiệu quả.

c) Tập trung chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra và xử lý những khó khăn, vướng mắc của các đơn vị thuộc Bộ trong việc triển khai thực hiện chương trình, kế hoạch công tác và kế hoạch CCHC năm 2025 bảo đảm chất lượng, đáp ứng yêu cầu về tiến độ và hiệu quả.

d) Xây dựng và triển khai thực hiện đánh giá kết quả thực hiện công tác CCHC của các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ; nghiên cứu việc tiếp tục triển khai thực hiện đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ hàng tháng của Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ.

đ) Tăng cường hoạt động tập huấn, bồi dưỡng, trang bị các kiến thức, kinh nghiệm về CCHC cho đội ngũ công chức, viên chức (CCVC) thực hiện công tác CCHC của Bộ, các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ.

e) Tăng cường vai trò, trách nhiệm của cơ quan thường trực CCHC của Bộ, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai thực hiện công tác CCHC của các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ.

2. Cải cách thể chế

a) Thực hiện Chương trình xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) năm 2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ bảo đảm trình tự, thủ tục, tiến độ và chất lượng.

b) Công tác rà soát, kiểm tra, hệ thống hóa VBQPPL; hợp nhất VBQPPL; pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật tập trung vào các nhiệm vụ sau:

- Rà soát các VBQPPL chịu sự tác động của việc sắp xếp tổ chức bộ máy thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; rà soát phân cấp, phân quyền trong các VBQPPL về nông nghiệp và môi trường; xây dựng kế hoạch sửa đổi, bổ sung các luật chuyên ngành nông nghiệp và môi trường, các văn bản hướng dẫn thi hành các Luật bảo đảm sự thống nhất, kịp thời đáp ứng yêu cầu quản lý chuyên ngành, phù hợp với việc sắp xếp tổ chức bộ máy.

- Tự kiểm tra các VBQPPL do Bộ trưởng ban hành năm 2024; kiểm tra theo thẩm quyền các VBQPPL do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương ban

hành có nội dung liên quan đến các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Thực hiện pháp điển Đề mục Địa chất và Khoáng sản theo yêu cầu của Pháp lệnh Pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật; tổ chức hợp nhất các VBQPPL theo thẩm quyền của Bộ.

c) Tiếp tục đổi mới công tác phổ biến giáo dục pháp luật về nông nghiệp và môi trường; ứng dụng mạnh mẽ, có hiệu quả công nghệ thông tin (CNTT) trong công tác phổ biến giáo dục pháp luật; phổ biến Luật Địa chất và Khoáng sản và các văn bản hướng dẫn thi hành. Triển khai thực hiện đánh giá thí điểm hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật của Bộ.

3. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

a) Tiếp tục rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư kinh doanh, tạo lập môi trường kinh doanh thuận lợi, lành mạnh, công bằng theo quy định tại Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026.

b) Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong thực hiện thủ tục hành chính lĩnh vực nông nghiệp và môi trường, gắn kết chặt chẽ với ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số, sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy.

c) Tiếp tục xây dựng, ban hành và chuẩn hóa quy trình nội bộ giải quyết TTHC của các lĩnh vực theo hướng điện tử hóa, chú trọng đến việc liên thông giải quyết TTHC giữa các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ; cập nhật quy trình điện tử cho các TTHC để vận hành trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Bộ, đảm bảo tính hiệu quả, minh bạch và đơn giản; số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC, tái cấu trúc quy trình giải quyết TTHC trên môi trường điện tử quy định tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 và Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ, kết nối thực hiện trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

d) Cải tiến và nâng cấp các phần mềm ứng dụng CNTT trong quản lý, điều hành, đặc biệt Hệ thống thông tin giải quyết TTHC, bảo đảm kết nối liên thông với Cổng Dịch vụ công quốc gia; ứng dụng CNTT trong giải quyết TTHC, tăng dần mức độ cung cấp, tỷ lệ hồ sơ trực tuyến giải quyết đối với các TTHC thực hiện DVCTT toàn trình, DVCTT một phần.

đ) Đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC theo quy định tại Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ; tập trung thực hiện có hiệu quả Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ nhằm gắn kết việc số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC với quá trình tiếp nhận, xử lý TTHC tại Văn phòng Một cửa tạo cơ sở hình thành dữ liệu sống, sạch, đủ và chính xác.

e) Tiếp tục duy trì việc tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân về quy định hành chính các lĩnh vực thuộc ngành Nông nghiệp và Môi

trường, tình hình giải quyết TTHC thuộc chức năng quản lý của Bộ; tăng cường trách nhiệm giải trình, tổ chức đối thoại, giải đáp trực tuyến để kịp thời giải quyết, xử lý các khó khăn, vướng mắc của người dân và doanh nghiệp về TTHC trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; kiểm tra việc giải quyết TTHC của các đơn vị trực thuộc Bộ.

g) Nâng cao chất lượng phục vụ, mức độ hài lòng, trong đó tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, thường xuyên kiểm tra, xử lý nghiêm và công bố, công khai các cán bộ, công chức, viên chức, cơ quan, đơn vị để xảy ra chậm trễ, gây phiền hà, nhất là làm phát sinh thêm thủ tục, hồ sơ, giấy tờ, yêu cầu điều kiện không đúng quy định trong quá trình tiếp nhận, giải quyết TTHC.

h) Tăng cường nguồn lực, nâng cao năng lực cho công chức làm công tác xây dựng văn bản pháp luật và kiểm soát TTHC; ưu tiên bố trí nguồn lực, kinh phí thỏa đáng cho công tác cải cách, kiểm soát TTHC.

i) Tiếp tục vận hành và duy trì thông suốt hoạt động các đường dây nóng; kịp thời phát hiện và giải quyết các phản ánh, kiến nghị, vướng mắc về tình hình vi phạm trong hoạt động quản lý về nông nghiệp và môi trường tại Trung ương và địa phương.

4. Cải cách tổ chức bộ máy

a) Tập trung rà soát, sửa đổi, bổ sung các VBQPPL hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan chuyên môn về ngành, lĩnh vực ở địa phương, bảo đảm đồng bộ, thống nhất với định hướng sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp theo Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về tiếp tục nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.

b) Tiếp tục rà soát, kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, sắp xếp tổ chức các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ theo hướng tinh gọn, giảm tối đa đầu mối, nâng cao hiệu quả hoạt động, bảo đảm theo đúng chỉ đạo, chủ trương của Trung ương, của Chính phủ về sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.

c) Tiếp tục tổ chức triển khai có hiệu quả phương án kiện toàn, sắp xếp các tổ chức trực thuộc các đơn vị trực thuộc Bộ theo quy định; ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ theo đúng thẩm quyền.

5. Cải cách chế độ công vụ

a) Tập trung rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành các quy chế, quy định về công tác cán bộ và quản lý cán bộ đầy đủ, phù hợp với quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước và đồng bộ với công tác sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy.

b) Tổ chức thực hiện công tác sắp xếp, bố trí, cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC đồng bộ với phương án kiện toàn, tinh gọn tổ chức bộ máy của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

c) Tiếp tục nghiên cứu, đổi mới phương pháp, quy trình đánh giá, xếp loại công chức, viên chức theo hướng lượng hóa các tiêu chí đánh giá dựa trên kết quả thực hiện nhiệm vụ và gắn với tiêu chuẩn, yêu cầu của vị trí việc làm, công việc, sản phẩm cụ thể.

d) Tổ chức triển khai Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15/3/2025 của Chính phủ); Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế.

Tổ chức triển khai hiệu quả các chính sách đối với CBCCVC và người lao động khi thực hiện sắp xếp, tinh gọn bộ máy, đơn vị hành chính các cấp.

đ) Tiếp tục đổi mới nội dung, phương pháp, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, năng lực quản lý hành chính và trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho CBCCVC của Bộ. Tăng cường tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ CCVC nói chung và CCVC thực hiện công tác CCHC của Bộ nói riêng.

e) Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý cán bộ, trọng tâm là việc quản lý, khai thác, sử dụng hồ sơ, thông tin dữ liệu về đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của Bộ, của Ngành.

6. Cải cách tài chính công

a) Rà soát, cập nhật và hoàn thiện đồng bộ hệ thống văn bản quy định về quản lý tài chính, kế toán, đầu tư công thuộc thẩm quyền của Bộ theo quy định, đảm bảo phân bổ, sử dụng ngân sách và các nguồn kinh phí khác minh bạch, quản lý theo mục tiêu.

b) Rà soát, sửa đổi, xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật, đơn giá dịch vụ sự nghiệp công phục vụ đấu thầu, đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ theo Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và các quy định hiện hành.

c) Tăng cường quản lý, sử dụng tài sản công; quản lý và xét duyệt quyết toán đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ; đổi mới cơ cấu và cơ chế đầu tư, tập trung đẩy nhanh tiến độ các dự án chuyển tiếp, hoàn thành trong năm 2025; phân đầu giải ngân trên 95% kế hoạch vốn được giao của năm và kế hoạch trung hạn 2021- 2025; tiếp tục thu hút, khuyến khích đầu tư vào hạ tầng phục vụ sản xuất, phòng chống thiên tai.

d) Tăng cường thực hiện công tác giám sát tài chính và xếp loại doanh nghiệp năm 2024 đối với các doanh nghiệp trực thuộc Bộ.

đ) Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong công tác quản lý kế hoạch, đầu tư, tài chính, tài sản thuộc phạm vi quản lý của Bộ. Sử dụng hiệu quả các phần mềm quản lý ngân sách nhà nước, quản lý tài sản công, quản lý kế hoạch tài chính và

xử lý công việc trên môi trường mạng; thực hiện quy trình giao dự toán cho các đơn vị qua hệ thống TABMIS.

e) Tổ chức tập huấn, nâng cao năng lực chuyên môn cho cán bộ phụ trách công tác kế hoạch, tài chính của các đơn vị thuộc Bộ.

7. Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số

a) Hoàn thiện quy định kỹ thuật về CSDL các lĩnh vực; quy trình kỹ thuật theo phương thức số, lấy dữ liệu làm trung tâm, thu thập dữ liệu số tại nguồn, quản lý, chia sẻ, phân tích, xử lý trên công nghệ số.

b) Xây dựng, hoàn thiện các CSDL quốc gia, lĩnh vực nông nghiệp và môi trường trọng tâm là CSDL đất đai, chăn nuôi, trồng trọt bảo đảm dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống” và kết nối, liên thông, tích hợp với các CSDL quốc gia; Trung tâm dữ liệu quốc gia theo quy định của Luật Dữ liệu.

c) Đẩy mạnh công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành, báo cáo, hỗ trợ ra quyết định trên dữ liệu, thực hiện toàn diện trên các ứng dụng số, hệ thống thông tin, xử lý, tổng hợp, thống kê trên CSDL.

d) Nâng cao hiệu quả cung cấp DVCTT: Tái cấu trúc quy trình, đơn giản hóa hồ sơ, cung cấp DVCTT toàn trình để phục vụ người dân và doanh nghiệp.

đ) Vận hành hạ tầng số, nền tảng số dùng chung, bảo đảm an toàn thông tin. Đào tạo tập huấn, ưu tiên nhân lực về chuyển đổi số, khoa học dữ liệu, nâng cao kỹ năng số, xử lý khai thác dữ liệu phục vụ chuyển đổi số ngành, góp phần chuyển đổi số quốc gia.

III. GIẢI PHÁP

1. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ trực tiếp chỉ đạo công tác CCHC của đơn vị và chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng về kết quả CCCH của Bộ, của đơn vị; tiếp tục xác định CCHC là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt; xây dựng kế hoạch thực hiện cụ thể trong từng thời gian, từng lĩnh vực; tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch; đưa nội dung CCHC vào nội dung giao ban định kỳ của đơn vị.

2. Bảo đảm kinh phí thực hiện công tác CCHC được bố trí từ nguồn kinh phí thường xuyên của Bộ, của các đơn vị và các nguồn lực tài chính hỗ trợ khác theo quy định của pháp luật.

3. Tiếp tục nâng cao năng lực, trình độ đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác CCHC ở các đơn vị thuộc Bộ; đồng thời, có chế độ, chính sách hợp lý đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác CCHC.

4. Tăng cường kiểm tra việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính và trách nhiệm thi hành công vụ của công chức, viên chức.

5. Tăng cường hợp tác quốc tế để tranh thủ hỗ trợ về nguồn vốn, đào tạo, chuyển giao công nghệ quản lý, góp phần đẩy mạnh công tác CCHC của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và của ngành Nông nghiệp và Môi trường.

6. Khen thưởng kịp thời, chính xác những đơn vị, cá nhân có thành tích và

phê bình, xử lý nghiêm trách nhiệm của những đơn vị, cá nhân thực hiện chưa nghiêm túc nhiệm vụ CCHC.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đối với các cấp ủy đảng và các tổ chức, đoàn thể trong Bộ

Đề nghị Đảng ủy Bộ, Công đoàn Bộ và Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh Bộ có kế hoạch phối hợp lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy và tổ chức đoàn thể trực thuộc tham gia tổ chức thực hiện Kế hoạch; cấp ủy đảng, tổ chức đoàn thể các đơn vị thuộc Bộ tham gia cùng lãnh đạo đơn vị tổ chức thực hiện Kế hoạch.

2. Các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ

a) Đối với các đơn vị không thực hiện hợp nhất, sáp nhập: Khẩn trương chỉ đạo rà soát, cập nhật Kế hoạch CCHC năm 2025 của đơn vị và tổ chức triển khai thực hiện.

Đối với các đơn vị thực hiện hợp nhất, sáp nhập: Khẩn trương chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch CCHC năm 2025 của đơn vị, bám sát nội dung, nhiệm vụ theo Kế hoạch CCHC năm 2025 của Bộ, thời gian ban hành chậm nhất 30 ngày kể từ ngày Kế hoạch CCHC của Bộ được ban hành.

b) Tổ chức lập dự toán kinh phí để thực hiện các đề án, dự án, chương trình (nếu có), nhiệm vụ CCHC năm 2025, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Chỉ đạo nghiêm túc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo CCHC định kỳ (quý I, sáu tháng, quý III, năm) của đơn vị và gửi về Bộ (qua Vụ Tổ chức cán bộ) trước ngày 15 tháng cuối quý.

d) Các đơn vị có liên quan, theo chức năng nhiệm vụ thực hiện tiếp nhận, theo dõi, đôn đốc, trả lời phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân theo quy định.

đ) Bảo đảm các nguồn lực và điều kiện cần thiết để thực hiện có hiệu quả công tác CCHC.

3. Vụ Tổ chức cán bộ

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị trực thuộc Bộ tổ chức thực hiện nội dung cải cách tổ chức bộ máy và nội dung cải cách chế độ công vụ theo Kế hoạch.

b) Theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị trực thuộc Bộ trong việc thực hiện Kế hoạch.

c) Trình Bộ trưởng các giải pháp tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành CCHC; thực hiện kiểm tra công tác CCHC năm 2025 của Bộ.

d) Tổng hợp, báo cáo kết quả, tiến độ thực hiện công tác CCHC hàng quý, 6 tháng và năm 2025 của Bộ theo Kế hoạch.

đ) Chủ trì xây dựng và triển khai thực hiện Bộ chỉ số CCHC đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC tại các đơn vị trực thuộc Bộ; rà soát, cập nhật, tổ chức tổng hợp, theo dõi, đánh giá xếp hạng kết quả thực hiện nhiệm vụ hàng tháng của Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ.

e) Chủ trì đề xuất khen thưởng kịp thời, chính xác những đơn vị, cá nhân có thành tích và phê bình, kỷ luật những đơn vị, cá nhân thực hiện chưa nghiêm túc nhiệm vụ CCHC năm 2025 của Bộ.

4. Vụ Pháp chế

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị trực thuộc Bộ tổ chức thực hiện nội dung cải cách thể chế, thẩm định quy định TTHC trong dự thảo thông tư của Bộ trưởng.

b) Chủ trì triển khai nhiệm vụ đổi mới và nâng cao chất lượng công tác xây dựng, ban hành VBQPPL; tổ chức rà soát, kiểm tra, hệ thống hóa, pháp điển, hợp nhất VBQPPL; tổ chức phổ biến giáo dục pháp luật về nông nghiệp và môi trường; tổ chức triển khai công tác theo dõi thi hành pháp luật và kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, đánh giá việc thực hiện trách nhiệm trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

5. Vụ Kế hoạch - Tài chính

a) Chủ trì tổng hợp trình Bộ trưởng xem xét, quyết định điều chỉnh kinh phí cho các chương trình, dự án, đề án, nhiệm vụ CCHC trong dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 của Bộ.

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị trực thuộc Bộ tổ chức thực hiện và định kỳ báo cáo nội dung cải cách tài chính công của Bộ theo Kế hoạch.

c) Bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch từ nguồn kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác của Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Vụ Khoa học và Công nghệ

a) Tổng hợp, xác định các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ công tác CCHC và phân bổ kinh phí để thực hiện.

b) Kiện toàn, hợp nhất các Ban Chỉ đạo cải cách hành chính, chuyển đổi số và triển khai Đề án 06 thành Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 theo quy định tại Quyết định số 589/QĐ-TTg ngày 13/3/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Chỉ đạo của Chính phủ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

c) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị trực thuộc Bộ tiếp tục đẩy mạnh, áp dụng, cải tiến và mở rộng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 trong hoạt động của các đơn vị trực thuộc Bộ; thực hiện kiểm tra việc duy trì áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001: 2015 tại một số đơn vị trực thuộc Bộ.

7. Văn phòng Bộ

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị trực thuộc Bộ tổ chức thực hiện nhiệm vụ thuộc nội dung cải cách TTHC, kiểm soát TTHC của Bộ theo chức năng, nhiệm vụ được giao; chủ trì triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên

thông trong giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ; chủ trì, theo dõi, đôn đốc thực hiện Quy chế làm việc của Bộ.

b) Chủ trì, phối hợp với Báo Nông nghiệp và Môi trường, Tạp chí Nông nghiệp và Môi trường, Trung tâm Truyền thông tài nguyên và môi trường xây dựng nội dung thông tin, tuyên truyền về CCHC; hướng dẫn triển khai, tổ chức và định kỳ báo cáo việc thông tin, tuyên truyền các nhiệm vụ CCHC năm 2025 của Bộ.

c) Chủ trì tiếp nhận, theo dõi, đôn đốc việc xử lý phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân về quy định hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ thông qua Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của Chính phủ và Cổng thông tin điện tử của Bộ.

8. Thanh tra Bộ

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị trực thuộc Bộ xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ; chủ trì tổng hợp thông tin về đường dây nóng tiếp nhận phản ánh, kiến nghị về tiêu cực trong hoạt động quản lý nhà nước về nông nghiệp và môi trường; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện các nội dung nêu trên.

9. Cục Chuyển đổi số

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị trực thuộc Bộ xây dựng, tổ chức thực hiện Kế hoạch phát triển Chính phủ số năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; thực hiện các đề án, dự án, nhiệm vụ chuyên môn được giao bảo đảm chất lượng, tiến độ triển khai Chính phủ điện tử, chuyển đổi số ngành Nông nghiệp và Môi trường.

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị trực thuộc Bộ thực hiện và định kỳ báo cáo nội dung phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số của Bộ theo Kế hoạch.

10. Báo Nông nghiệp và Môi trường; Tạp chí Nông nghiệp và Môi trường; Cổng thông tin điện tử của Bộ

Tổ chức thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác CCHC và các nội dung, kết quả CCHC của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

PHỤ LỤC

Danh mục các nhiệm vụ, hoạt động thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng 4 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

TT	Nội dung nhiệm vụ, dự án	Hoạt động/sản phẩm	Đơn vị chủ trì/đầu mối	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH				
1	Rà soát, hợp nhất, ban hành Kế hoạch cải cách hành chính (CCHC)	Ban hành Kế hoạch CCHC năm 2025 của Bộ.	Vụ Tổ chức cán bộ	Các Vụ trực thuộc Bộ; Văn phòng Bộ; Thanh tra Bộ và các đơn vị có liên quan	Tháng 4
2	Kiểm tra công tác CCHC và tổ chức cán bộ	Tổ chức thực hiện kiểm tra công tác CCHC, công tác tổ chức cán bộ năm 2025 tại một số đơn vị trực thuộc Bộ.		Các đơn vị được kiểm tra theo thông báo	Quý IV
3	Tuyên truyền công tác CCHC	3.1. Tổ chức thực hiện tuyên truyền công tác CCHC năm 2025 của Bộ.	Văn phòng Bộ	Báo NN&MT, Tạp chí NN&MT và các đơn vị liên quan	Thường xuyên
		3.2. Thực hiện đưa tin, bài viết về CCHC trên Cổng thông tin điện tử của Bộ.	Văn phòng Bộ; Vụ Tổ chức cán bộ	Báo NN&MT, Tạp chí NN&MT và các đơn vị liên quan	Thường xuyên
4	Tổ chức thực hiện xác định Chỉ số CCHC; phân tích, sử dụng có hiệu quả Chỉ số CCHC	4.1. Báo cáo kết quả tự đánh giá, chấm điểm Chỉ số CCHC năm 2025 của Bộ theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ.	Vụ Tổ chức cán bộ	Các Vụ trực thuộc Bộ; Văn phòng Bộ; Thanh tra Bộ; Cục CDS và các đơn vị có liên quan	Theo kế hoạch của Bộ Nội vụ

TT	Nội dung nhiệm vụ, dự án	Hoạt động/sản phẩm	Đơn vị chủ trì/dầu mối	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		4.2. Thực hiện đánh giá, theo dõi kết quả thực hiện nhiệm vụ hàng tháng của Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ năm 2025.		Các đơn vị trực thuộc Bộ	Thường xuyên
		4.3. Xây dựng, trình Bộ ban hành Kế hoạch triển khai đánh giá, chấm điểm CCHC các Cục trực thuộc Bộ năm 2025.		Các đơn vị trực thuộc Bộ	Quý III
		4.4. Tổ chức thực hiện Kế hoạch triển khai đánh giá, chấm điểm CCHC các Cục trực thuộc Bộ năm 2025.		Các đơn vị trực thuộc Bộ	Quý IV
5	Đánh giá, Sơ kết 05 năm công tác CCHC của Bộ giai đoạn 2021-2025	Tổ chức sơ kết CCHC 05 năm đánh giá kết quả công tác CCHC của Bộ giai đoạn 2021-2025 và nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2026-2030.	Vụ Tổ chức cán bộ	Các đơn vị trực thuộc Bộ	Quý IV
6	Kiện toàn, hợp nhất các Ban Chỉ đạo cải cách hành chính, chuyển đổi số và triển khai Đề án 06 thành Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06	Quyết định kiện toàn, hợp nhất các Ban Chỉ đạo cải cách hành chính, chuyển đổi số và triển khai Đề án 06 thành Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06.	Vụ Khoa học và Công nghệ	Các đơn vị trực thuộc Bộ	Tháng 4

TT	Nội dung nhiệm vụ, dự án	Hoạt động/sản phẩm	Đơn vị chủ trì/dầu mối	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
II	CẢI CÁCH THỂ CHẾ				
1	Triển khai thực hiện Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) của Bộ năm 2025	1.1. Xây dựng kế hoạch sửa đổi bổ sung các Luật thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; văn bản hướng dẫn thi hành các Luật thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.	Vụ Pháp chế; Các đơn vị được giao chủ trì xây dựng	Các đơn vị có liên quan	Theo Chương trình công tác của Bộ
		1.2. Triển khai xây dựng các VBQPPL theo Chương trình xây dựng VBQPPL của Bộ năm 2025.	Vụ Pháp chế; Các đơn vị được giao chủ trì xây dựng	Các đơn vị liên quan	Theo Chương trình công tác của Bộ
		1.3. Theo dõi tiến độ văn bản quy định chi tiết luật, pháp lệnh, Nghị quyết của Quốc hội.	Vụ Pháp chế	Các đơn vị liên quan	Thường xuyên
2	Thực hiện kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa VBQPPL	2.1. Ban hành Kế hoạch kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa VBQPPL năm 2025 của Bộ.	Vụ Pháp chế	Các đơn vị liên quan	Quý II
		2.2. Tập trung rà soát VBQPPL các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ.	Vụ Pháp chế	Các Cục trực thuộc Bộ	Thường xuyên
		2.3. Tự kiểm tra các VBQPPL do Bộ trưởng ban hành năm 2025; kiểm tra theo thẩm quyền các VBQPPL do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành có nội dung liên quan đến các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ.	Vụ Pháp chế	Các đơn vị liên quan	Thường xuyên

TT	Nội dung nhiệm vụ, dự án	Hoạt động/sản phẩm	Đơn vị chủ trì/dầu mối	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
3	Phổ biến giáo dục pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ	3.1. Ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2025 của Bộ.	Vụ Pháp chế	Các đơn vị liên quan	Tháng 3
		3.2. Tổ chức thực hiện Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2025 của Bộ.	Vụ Pháp chế	Các đơn vị liên quan	Thực hiện theo Kế hoạch
4	Thực hiện công tác kiểm tra, theo dõi, thi hành pháp luật về nông nghiệp và môi trường	4.1. Ban hành Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật về NN&MT năm 2025 của Bộ.	Vụ Pháp chế	Các đơn vị liên quan	Tháng 3
		4.2. Tổ chức kiểm tra theo dõi thi hành pháp luật một số lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ.	Vụ Pháp chế	Các đơn vị liên quan	Thực hiện theo Kế hoạch
III	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH				
1	Xây dựng và triển khai kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC)	1.1. Ban hành Kế hoạch kiểm soát TTHC năm 2025 của Bộ.	Văn phòng Bộ	Các đơn vị trực thuộc Bộ	Tháng 4
		1.2. Tổ chức thực hiện Kế hoạch kiểm soát TTHC năm 2025 của Bộ.	Văn phòng Bộ	Các đơn vị trực thuộc Bộ	Thực hiện theo Kế hoạch
		1.3. Đôn đốc việc thực hiện rà soát, đánh giá và tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ các DVCTT được cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và Cổng Dịch vụ công của Bộ theo hướng thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, đảm bảo nguyên tắc lấy người dân, doanh nghiệp là trung tâm.	Cục Chuyển đổi số; Văn phòng Bộ.	Các đơn vị trực thuộc Bộ	Thường xuyên

TT	Nội dung nhiệm vụ, dự án	Hoạt động/sản phẩm	Đơn vị chủ trì/dầu mối	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		1.4. Số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực theo quy định của Chính phủ tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP và Nghị định số 107/2021/NĐ-CP, đáp ứng yêu cầu kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công.	Cục Chuyển đổi số	Các Cục trực thuộc Bộ; Văn phòng Bộ.	Thường xuyên
2	Tổ chức thực hiện Kế hoạch thực hiện Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Đôn đốc, theo dõi việc triển khai thực hiện Kế hoạch thực hiện Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	Văn phòng Bộ	- Các đơn vị trực thuộc Bộ. - Các bộ, ngành, địa phương liên quan	Thường xuyên
3	Đẩy mạnh chuyển đổi số, vận hành hệ thống CSDL, thực hiện cung cấp DVCTT	3.1. Cung cấp DVCTT toàn trình cho các TTHC đủ điều kiện theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/06/2022 của Thủ tướng Chính phủ.	Cục Chuyển đổi số	Các đơn vị trực thuộc Bộ	Thường xuyên
		3.2. Khai thác, sử dụng Nền tảng trao đổi định danh điện tử, thực hiện khai thác, sử dụng các nghiệp vụ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.	Cục Chuyển đổi số	Các đơn vị trực thuộc Bộ	Thường xuyên
4	Cập nhật, công bố, công khai TTHC	Đôn đốc việc cập nhật, công bố, công khai TTHC trên CSDL quốc gia về TTHC, Cổng thông tin điện tử của Bộ và công khai tại Văn phòng Tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC.	Văn phòng Bộ	Các Cục trực thuộc Bộ	Thường xuyên

TT	Nội dung nhiệm vụ, dự án	Hoạt động/sản phẩm	Đơn vị chủ trì/dầu mối	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
5	Tiếp nhận, phân loại và đôn đốc tổng hợp việc trả lời các phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân về TTHC thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường qua Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia; trên Cổng Thông tin điện tử của Chính phủ và Cổng thông tin điện tử của Bộ.	Tiếp nhận, phân loại và đôn đốc việc trả lời kiến nghị, phản ánh của các tổ chức, cá nhân về quy định hành chính lĩnh vực NN&MT.	Văn phòng Bộ	Các đơn vị trực thuộc Bộ	Thường xuyên
6	Tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC của Bộ theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông	Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả đã được giải quyết đối với các TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra tình hình giải quyết TTHC tại các đơn vị thuộc Bộ; định kỳ báo cáo Bộ trưởng kết quả giải quyết TTHC của Bộ.	Văn phòng Bộ	Các đơn vị trực thuộc Bộ	Thường xuyên
7	Triển khai, đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ người dân và doanh nghiệp trên Cổng thông tin điện tử của Bộ	7.1. Đẩy mạnh tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước trong lĩnh vực NN&MT.	Văn phòng Bộ	Các đơn vị trực thuộc Bộ	Thường xuyên
		7.2. Thường xuyên cập nhật các chuyên trang, chuyên mục giúp người dân, doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận các thông tin của ngành NN&MT.	Văn phòng Bộ	Các đơn vị trực thuộc Bộ	Thường xuyên

TT	Nội dung nhiệm vụ, dự án	Hoạt động/sản phẩm	Đơn vị chủ trì/dầu mối	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		7.3. Đôn đốc, theo dõi việc cập nhật thông tin hỗ trợ người dân và doanh nghiệp trên Cổng thông tin điện tử.	Văn phòng Bộ	Các đơn vị trực thuộc Bộ	Thường xuyên
IV	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY				
1	Kiện toàn tổ chức bộ máy	1.1. Tổ chức rà soát, xây dựng, ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị trực thuộc Bộ quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	Các đơn vị trực thuộc Bộ	Vụ Tổ chức cán bộ	Tháng 3
		1.2. Tổ chức rà soát, xây dựng phương án sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ.	Vụ Tổ chức cán bộ	Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ	Quý II
2	Biên chế	2.1 Giao biên chế công chức trong các cơ quan hành chính thuộc Bộ năm 2025.	Vụ Tổ chức cán bộ	Các đơn vị trực thuộc Bộ	Quý II
		2.2 Giao số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp chưa tự bảo đảm chi thường xuyên thuộc Bộ năm 2025.	Vụ Tổ chức cán bộ	Các đơn vị trực thuộc Bộ	Quý II

TT	Nội dung nhiệm vụ, dự án	Hoạt động/sản phẩm	Đơn vị chủ trì/dầu mối	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
V	CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ				
1	Tập trung rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành các quy chế, quy định về công tác cán bộ và quản lý cán bộ đầy đủ, phù hợp với quy định của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và đồng bộ với công tác sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy.	1.1. Quy định của Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ về phân cấp quản lý công tác cán bộ.	Vụ Tổ chức cán bộ	Các đơn vị trực thuộc Bộ	Tháng 4
		1.2. Quy chế phân công, phân cấp quản lý công tác tổ chức cán bộ của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	Vụ Tổ chức cán bộ	Các đơn vị trực thuộc Bộ	Tháng 4
		1.3. Quy định về tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý của Bộ.	Vụ Tổ chức cán bộ	Các đơn vị trực thuộc Bộ	Quý II
		1.4. Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ đối với công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý.	Vụ Tổ chức cán bộ	Các đơn vị trực thuộc Bộ	Quý II
2	Tổ chức thực hiện công tác sắp xếp, bố trí, cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC đồng bộ với phương án kiện toàn, tinh gọn tổ chức bộ máy của cơ quan, tổ chức, đơn vị; đồng thời tổ chức triển khai hiệu quả các chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động khi thực hiện sắp xếp, tinh gọn bộ máy, đơn vị hành chính các cấp.	2.1. Xây dựng, triển khai thực hiện hoàn thành việc sắp xếp, bố trí đội ngũ CBCCVC theo phương án kiện toàn tổ chức bộ máy của Bộ và các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc Bộ (<i>các đơn vị quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường</i>).	Vụ Tổ chức cán bộ	Các đơn vị trực thuộc Bộ	Tháng 3-4
		2.2. Giải quyết chế độ nghỉ hưu trước tuổi, thôi việc đối với công chức, viên chức, người lao động theo quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy theo quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP.	Vụ Tổ chức cán bộ	Các đơn vị trực thuộc Bộ	Thường xuyên

TT	Nội dung nhiệm vụ, dự án	Hoạt động/sản phẩm	Đơn vị chủ trì/dầu mối	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
3	Đào tạo, đào tạo lại và bồi dưỡng đội ngũ CBCCVV bảo đảm đủ phẩm chất, trình độ và năng lực ngang tầm với nhiệm vụ sau sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của cơ quan, tổ chức, đơn vị	Tổ chức thực hiện Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức năm 2025 của Bộ.	Vụ Tổ chức cán bộ, các Trường trực thuộc Bộ	Các đơn vị trực thuộc Bộ	Theo Kế hoạch
VI	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG				
1	Hoàn thiện cơ chế, chính sách tài chính	1.1. Rà soát, sửa đổi, hoàn thiện quy chế quản lý kế hoạch, tài chính, đầu tư công theo các quy định mới phù hợp với tình hình quản lý của các đơn vị trực thuộc Bộ.	Vụ Kế hoạch - Tài chính	Các đơn vị liên quan	Quý II
		1.2. Rà soát, xây dựng định mức, đơn giá dịch vụ sự nghiệp công phục vụ đấu thầu, đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ theo Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ NN&MT và các quy định hiện hành.	Vụ Kế hoạch - Tài chính	Các đơn vị liên quan	Thường xuyên
2	Điều hành dự toán ngân sách nhà nước	Điều hành phân bổ, cân đối, điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước và quản lý chi tiêu để tạo sự chủ động và tăng cường trách nhiệm của các đơn vị, bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm, chống lãng phí. Quản lý và xét duyệt quyết toán đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ.	Vụ Kế hoạch - Tài chính	Các đơn vị liên quan	Quý IV

TT	Nội dung nhiệm vụ, dự án	Hoạt động/sản phẩm	Đơn vị chủ trì/dầu mối	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
3	Ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý tài chính công	3.1. Sử dụng hiệu quả các phần mềm Tổng hợp về quản lý kế hoạch tài chính và quản lý tài sản.	Vụ Kế hoạch - Tài chính	Các đơn vị liên quan	Thường xuyên
		3.2. Thực hiện quy trình giao dự toán cho các đơn vị qua hệ thống TABMIS bảo đảm nhanh chóng, chính xác.	Vụ Kế hoạch - Tài chính	Các đơn vị liên quan	Thường xuyên
4	Tiếp tục thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính	4.1. Tiếp tục thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính tại cơ quan hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước.	Vụ Kế hoạch - Tài chính	Các đơn vị liên quan	Thường xuyên
		4.2. Chỉ đạo các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường xây dựng phương án tự chủ tài chính giai đoạn 2026-2030, thẩm định gửi Bộ Tài chính theo quy định.	Vụ Kế hoạch - Tài chính	Các đơn vị liên quan	Quý III
		4.3. Tiếp tục xây dựng đơn giá sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước phục vụ đấu thầu, đặt hàng theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP.	Vụ Kế hoạch - Tài chính	Các đơn vị liên quan	Thường xuyên

TT	Nội dung nhiệm vụ, dự án	Hoạt động/sản phẩm	Đơn vị chủ trì/dầu mối	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		4.4. Phối hợp rà soát, sửa đổi, hoàn thiện Thông tư thu phí và lệ phí của các lĩnh vực nông nghiệp và môi trường theo quy định của pháp luật.	Vụ Kế hoạch - Tài chính	Các đơn vị liên quan	Quý II
5	Công tác quản lý, sử dụng tài sản công	Tăng cường kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài sản công theo quy chế quản lý tài sản và phần mềm theo dõi tình hình sử dụng tài sản của các đơn vị trực thuộc Bộ.	Vụ Kế hoạch - Tài chính	Các đơn vị liên quan	Thường xuyên
6	Thực hiện công tác quản lý doanh nghiệp	Tăng cường thực hiện công tác giám sát tài chính và xếp loại doanh nghiệp năm 2024 đối với các doanh nghiệp trực thuộc Bộ.	Vụ Kế hoạch - Tài chính	Các đơn vị liên quan	Thường xuyên
7	Tăng cường năng lực chuyên môn	Tập huấn, nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác kế hoạch, tài chính của các đơn vị trực thuộc Bộ.	Vụ Kế hoạch - Tài chính	Các đơn vị liên quan	Quý IV
VII	XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH PHỦ ĐIỆN TỬ, CHÍNH PHỦ SỐ				
1	Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong quản lý, điều hành hoạt động của Bộ; Thực hiện chương trình chuyển đổi số ngành NN&MT.	1.1 Ban hành Kế hoạch phát triển Chính phủ số năm 2025, thực hiện Kế hoạch Bảo đảm an toàn thông tin mạng của Bộ giai đoạn 2021 - 2025.	Cục Chuyển đổi số	Các đơn vị trực thuộc Bộ	Quý II
		1.2. Xây dựng, vận hành hệ thống quản lý điều hành thông minh tại Bộ.	Cục Chuyển đổi số	Các đơn vị trực thuộc Bộ	Quý IV

TT	Nội dung nhiệm vụ, dự án	Hoạt động/sản phẩm	Đơn vị chủ trì/dầu mối	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		1.3. Vận hành, cập nhật hệ thống thông tin/CSDL phục vụ công tác quản lý nhà nước về TCCB, kế hoạch - tài chính; khoa học và công nghệ; chính sách - pháp chế; thanh tra, kiểm tra và giải quyết khiếu nại tố của Bộ.	Cục Chuyển đổi số	Các đơn vị trực thuộc Bộ	Quý IV
		1.4. Tổ chức triển khai thực hiện chương trình chuyển đổi số ngành NN&MT.	Cục Chuyển đổi số	Các đơn vị ngành NN&MT	Thường xuyên
2	Thực hiện các nhiệm vụ triển khai Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025	2.1. Triển khai, cập nhật Kiến trúc Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số ngành NN&MT	Cục Chuyển đổi số	Các đơn vị ngành NN&MT	Thường xuyên
		2.2. Duy trì, vận hành hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc gắn với chữ ký số; bảo đảm an ninh, bảo mật, hỗ trợ kỹ thuật các đơn vị thuộc Bộ; liên thông hệ thống quản lý văn bản với Chính phủ, bộ, ngành, các địa phương	Cục Chuyển đổi số, Văn phòng Bộ	Các đơn vị ngành NN&MT	Thường xuyên
		2.3. Triển khai, cung cấp các DVCTT thiết yếu được phê duyệt tại Quyết định số 206/QĐ-TTg ngày 28/02/2024.	Cục Chuyển đổi số; Cục Môi trường, Cục Biển và Hải đảo Việt Nam	Các đơn vị ngành NN&MT	Thường xuyên, theo yêu cầu
		2.4. Triển khai xây dựng, vận hành CSDL quốc gia, chuyên ngành các lĩnh vực.	Cục Chuyển đổi số	Các đơn vị thuộc Bộ	Thường xuyên
3	Bảo đảm hệ thống CNTT liên tục, an toàn phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo điều hành của Bộ	Hệ thống cơ sở hạ tầng CNTT hoạt động thông suốt phục vụ công tác chỉ đạo điều hành nhà nước của Bộ. Bảo đảm an toàn, an ninh và bảo mật thông tin số các hệ thống thông tin và hạ tầng kỹ thuật.	Cục Chuyển đổi số	Các đơn vị trực thuộc Bộ	Thường xuyên